

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Từ Dũ có nhu cầu mua sắm hóa chất (có kèm máy đặt/máy mượn) để triển khai thực hiện xét nghiệm theo danh mục được nêu dưới đây tại Bệnh viện Từ Dũ – Cơ sở 2 tại xã Cần Giờ (đường Lương Văn Nho, khu phố Miếu Ba, xã Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bệnh viện Từ Dũ mời các nhà thầu, Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam có năng lực, kinh nghiệm quan tâm báo giá hóa chất với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Từ Dũ.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
ThS. Nguyễn Hải Dương – Tổ Đầu thầu.
Điện thoại: (028) 39526568. Line nội bộ 681
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp hoặc theo đường bưu điện tại địa chỉ: Phòng Hành chính Quản trị - Tổ Đầu thầu, Lầu 3 khu D, số 284 Cống Quỳnh, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh (Bản giấy có đóng dấu, ký và ghi rõ họ tên).
 - Nhận qua Email (file excel): quanlydauthau@tudu.com.vn
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 26/11/2025 đến trước 10 giờ 00 phút ngày 01/12/2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 01/12/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá: đề nghị Quý công ty báo giá tham gia cung cấp hóa chất trọn gói theo danh mục xét nghiệm yêu cầu

1. Danh mục xét nghiệm yêu cầu:

STT	TÊN KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM MỜI THẦU	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
A. NHÓM XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH			
PHẦN 1: NHÓM XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH SỬ DỤNG KỸ THUẬT HÓA PHÁT QUANG TỰ ĐỘNG			
1	Định lượng kháng thể kháng Cardiolipin IgM	test	200
2	Định lượng kháng thể kháng Cardiolipin IgG	test	200
3	Định lượng kháng thể kháng Beta2- Glycoprotein IgM	test	200

4	Định lượng kháng thể kháng Beta2- Glycoprotein IgG	test	200
5	Định lượng kháng thể IgG kháng dsDNA	test	200
6	Định tính kháng thể kháng nhân (ANA)	test	200
PHẦN 2: NHÓM XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH SỬ DỤNG KỸ THUẬT MIỄN DỊCH HUỖNH QUANG TỰ ĐỘNG			
7	Định lượng Pro-calcitonin	test	1000
8	HBsAg miễn dịch tự động	test	8000
9	HBeAg miễn dịch tự động	test	2000
10	HCV Ab miễn dịch tự động	test	4000
11	HIV Ab miễn dịch tự động	test	8000
12	Định lượng FT4 (Free Thyroxine)	test	2000
13	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	test	2000
14	Định lượng Troponin I	test	8000
15	Định lượng proBNP (NT-proBNP)	test	480
16	Anti-HBs miễn dịch tự động	test	1000
17	Định lượng bHcg	test	8000
PHẦN 3: NHÓM XÉT NGHIỆM SỬ DỤNG TEST NHANH			
18	Anti HCV	test	4000
19	Xét nghiệm phát hiện kháng thể reagin RPR (Rapid Plasma Reagin)	test	400
20	Định tính kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B (anti-HBs).	test	400
21	Test nhanh chẩn đoán kháng thể sốt xuất huyết IgG/IgM	test	1000
22	Test nhanh chẩn đoán kháng nguyên sốt xuất huyết NS1 Ag	test	4000

23	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	test	4000
24	Định tính kháng thể (IgG & IgM) vi khuẩn Helicobacter pylori (H.pylori)	test	400
25	Định tính kháng thể Giang Mai	test	8000
26	Test Thử Thai (Mẫu Huyết thanh, Nước tiểu)	test	8000
27	HBsAg test nhanh	test	8000
28	HBeAg test nhanh	test	100
29	HCV Ab test nhanh	test	4000
30	HAV Ab test nhanh	test	100
31	HIV Ag/Ab test nhanh	test	700
32	HIV Ab test nhanh	test	300
B. NHÓM XÉT NGHIỆM SINH HÓA			
PHẦN 1: NHÓM XÉT NGHIỆM SINH HÓA SỬ DỤNG KỸ THUẬT HÓA PHÁT QUANG TỰ ĐỘNG			
33	Định lượng Acid Uric	test	2000
34	Định lượng Albumin	test	2000
35	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)	test	800
36	Đo hoạt độ Amylase	test	800
37	Định lượng Amoniac (NH ₃)	test	600
38	Đo hoạt độ ALT (GPT)	test	20000
39	Đo hoạt độ AST (GOT)	test	20000
40	Định lượng Bilirubin trực tiếp	test	2100
41	Định lượng Bilirubin toàn phần	test	2000

42	Định lượng Calci toàn phần	test	1200
43	Định lượng Cholesterol toàn phần	test	20000
44	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)	test	800
45	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	test	20000
46	Định lượng Ethanol (cồn)	test	800
47	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	test	1600
48	Định lượng Urê	test	20000
49	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	test	20000
50	Định lượng Lactat (Acid Lactic)	test	1200
51	Định lượng Triglycerid	test	20000
52	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase)	test	1200
53	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	test	20000
54	Định lượng Mg	test	1000
55	Định lượng Creatinin	test	20000
56	Định lượng Glucose	test	20000
57	Định lượng Protein	test	10000
58	Định lượng CRP	test	1000
59	Định lượng sắt huyết thanh	test	400
60	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (75g Glucose) 3 mẫu cho người bệnh thai nghén	test	200
PHẦN 2: XÉT NGHIỆM SẮC KÝ LỎNG CAO ÁP PHƯƠNG PHÁP TRAO ĐỔI ION TRÊN MÁY TỰ ĐỘNG			
61	Định lượng HbA1c	test	4800

	PHẦN 3: XÉT NGHIỆM SỬ DỤNG TEST NHANH		
62	Que thử Ketone	test	400
63	Test thử đường huyết, hạn sử dụng sau mở nắp ≥ 18 tháng	test	8000
64	THC niệu (test nhanh)	test	400
65	Định tính Opiate (test nhanh)	test	400
66	Xét nghiệm định tính AMP Amphetamine (Urine)	test	400
67	Test Morphine	test	400
68	Test Morphine/Heroin/Codeine (Nước tiểu)	test	400
69	Test Marijuana	test	400
70	Test MDMA	test	400
71	Test Methamphetamine	test	400
72	Test ma túy tổng hợp 4 chất MET/THC/AMP/MOP	test	400
73	Test ma túy tổng hợp 5 chất MOP/COD/HER/THC/AMP	test	400
	PHẦN 4: NHÓM XÉT NGHIỆM SINH HÓA SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP TẾ BÀO DÒNG CHẢY TRÊN MÁY TỰ ĐỘNG		
74	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	test	10000
	PHẦN 5: NHÓM XÉT NGHIỆM SINH HÓA SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP PHẢN ỨNG QUANG HỌC KẾT HỢP CẢM BIẾN TRÊN MÁY TỰ ĐỘNG		
75	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	test	12000
	PHẦN 6: NHÓM XÉT NGHIỆM SINH HÓA SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CARTRIDGE (INTEGRI-SENSE)		
76	Xét nghiệm Khí máu	test	7400
	C. XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC		
	PHẦN 1: NHÓM XÉT NGHIỆM PHÂN TÍCH HUYẾT HỌC TỰ ĐỘNG ĐẾM TẾ BÀO DÒNG CHẢY BẰNG PHƯƠNG PHÁP TRỌNG KHÁNG VÀ ĐO QUANG		

77	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	test	40000
PHẦN 2: NHÓM XÉT NGHIỆM PHÂN TÍCH HUYẾT HỌC BẰNG PHƯƠNG PHÁP NGUNG KẾT GEL CARD TRÊN MÁY TỰ ĐỘNG			
78	Sàng lọc kháng thể bất thường (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	test	200
79	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	test	500
80	Phản ứng hòa hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	test	500
81	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	test	8000
82	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	test	500
83	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	test	500
PHẦN 3: NHÓM XÉT NGHIỆM PHÂN TÍCH HUYẾT HỌC ĐÃ CÓ SẴN HUYẾT THANH MẪU			
84	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	card	200
85	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	card	200
86	Sàng lọc kháng thể bất thường (Kỹ thuật ống nghiệm)	test	200
87	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (Kỹ thuật ống nghiệm)	test	500
88	Phản ứng hòa hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật ống nghiệm)	test	500
89	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)	test	8000
90	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)	test	8000
PHẦN 4: NHÓM XÉT NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐÔNG MÁU TỰ ĐỘNG SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐO QUANG			
91	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	test	10500
92	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động	test	10500
93	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	test	4320

94	Định lượng D-Dimer [Máu]	test	2790
PHẦN 5: NHÓM XÉT NGHIỆM PHÂN TÍCH HUYẾT HỌC BẰNG PHƯƠNG PHÁP THỦ CÔNG			
95	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	test	150
96	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)	test	150
97	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	test	150
C. XÉT NGHIỆM VI SINH- PCR			
PHẦN 1: NHÓM XÉT NGHIỆM SỬ DỤNG KỸ THUẬT REAL-TIME PCR HOÀN TOÀN TỰ ĐỘNG			
98	Xét nghiệm đo tải lượng HBV hệ thống tự động	test	1920
99	Xét nghiệm đo tải lượng HCV hệ thống tự động	test	960
100	Xét nghiệm đo tải lượng HIV hệ thống tự động	test	960
101	Xét nghiệm định tính DNA Chlamydia trachomatis và DNA Neisseria gonorrhoeae	test	2400
PHẦN 2: VI KHUẨN NHUỘM SOI			
102	Vi khuẩn nhuộm soi	test	5000
103	Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi	test	5000
104	Neisseria meningitidis nhuộm soi	test	5000
105	Trichomonas vaginalis nhuộm soi	test	5000
107	Vi nấm nhuộm soi	test	5000
PHẦN 3: VI KHUẨN NHUỘM SOI KHÁNG CÒN-ACID			
108	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	test	1000
PHẦN 4: XN WIDAL			
109	Salmonella Widal	test	200

PHẦN 5: XN SOI TƯƠI			
110	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	test	200
111	Đơn bào đường ruột soi tươi	test	200
112	Trứng giun, sán soi tươi	test	200
113	Strongyloides stercoralis(Giun lươn) ấu trùng soi tươi	test	200
114	Taenia (Sán dây) soi tươi	test	200

- Thời gian thực hiện gói thầu: dự kiến 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Từ Dũ cơ sở 2, đường Lương Văn Nho, khu phố Miếu Ba, xã Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nội dung yêu cầu: Bảng báo giá theo mẫu (Gửi bản giấy có đóng dấu mộc treo của quý công ty tới Tổ Đấu thầu-Bệnh viện Từ Dũ và file excel qua email quanlydauthau@tudu.com.vn)

Lưu ý: Đề nghị Nhà thầu quan tâm, vui lòng cung cấp:

- Hồ sơ pháp lý và năng lực công ty
- Báo giá cho từng loại Hóa chất xét nghiệm;
- Hợp đồng tương tự kèm Quyết định trúng thầu.
- Hồ sơ, tài liệu chứng minh sản phẩm kỹ thuật.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./.

TỔ ĐẤU THẦU



Ths Nguyễn Hải Dương

PHỤ LỤC

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số /TB-BVTD ngày tháng năm 2025)

Kính gửi: BỆNH VIỆN TỪ DŨ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Từ Dũ, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa/ thiết bị y tế

STT	Mã theo quyết định 5086/QĐ-BYT (nếu có)	Tên hàng hóa theo quyết định 5086	Tên hàng hóa/thiết bị y tế	Tên thương mại	Tính năng kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá có thuế GTGT (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (%)	Thành tiền (VND)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1																
2																
			Cộng													

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm 2025.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., Ngày thángnăm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁸⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Mã theo quyết định 5086/QĐ-BYT(nếu có): Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã vật tư y tế theo quyết định 5086/QĐ-BYT(nếu có);
- (2) Tên hàng hóa theo quyết định 5086: Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chính xác tên hàng hóa đã đăng ký mã vật tư y tế theo quyết định 5086/QĐ-BYT (Nếu có) trên công Bảo hiểm xã hội tương ứng;
- (3) Tên hàng hóa/ thiết bị y tế: Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi tên hàng hóa hoặc thiết bị y tế theo đúng yêu cầu trong Yêu cầu báo giá
- (4) Tên thương mại: Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên thương mại ương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột(3)
- (5) Tính năng kỹ thuật: Hãng sản xuất, nhà cung cấp miêu tả khái quát thông số kỹ thuật của thiết bị và gửi kèm các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật
- (6) Tiêu chuẩn chất lượng: Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể các giấy chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng và các tài liệu chứng minh gửi kèm các tài liệu chứng minh
- (7) Ký, mã, nhãn hiệu, model: Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột (3)
- (8) Hãng sản xuất/ Nước sản xuất: Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể Hãng sản xuất, nước sản xuất (xuất xứ) của thiết bị y tế
- (9) Năm sản xuất: Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất của thiết bị y tế
- (10) Quy cách đóng gói: Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể nquy cách đóng gói của thiết bị y tế
- (11) Đơn vị tính: Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể đơn vị tính của thiết bị y tế
- (12) Số lượng/khối lượng: Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (13) Đơn giá có thuế GTGT (VND): Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá đã bao gồm thuế tương ứng với từng thiết bị y tế và bằng đồng Việt Nam (VND)

- (14) Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND): Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo hành cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước và bằng đồng Việt Nam (VND)
- (15) Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (%): Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) (5% hoặc 8% hoặc 10%) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế.
- (16) Thành tiền (VND): Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá và bằng đồng Việt Nam (VND)
- (17) Mã HS: Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế
- (18) Người đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.



